BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÀO CAI

****

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỌC HÚT DỊCH NANG THẬN CÓ TIÊM CỒN TUYỆT ĐỐI DƯỚI HƯỚNG DẪN SIÊU ÂM**

QTKT 01. CĐHA

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Người viết** | **Người kiểm tra** | **Người phê duyệt** |
| **Họ và tên** | **Bs. Phạm Thị Khánh Hòa** | **BsThs. Cao Thiên Sàng** | **BsCKII. Phạm Văn Thinh** |
| **Ký** |  |  |  |

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**CHỌC HÚT DỊCH NANG THẬN CÓ TIÊM CỒN TUYỆT ĐỐI DƯỚI HƯỚNG DẪN SIÊU ÂM**

**1. ĐẠI CƯƠNG**

Chọc hút và tiêm xơ (tiêm cồn tuyệt đối) nang thận là thủ thuật chọc kim vào các nang qua da, hút hết dịch trong các nang kết hợp với tiêm chất gây xơ (cồn tuyệt đối) để gây xơ hoá và teo nhỏ các nang dịch. Thủ thuật này được thực hiện dưới sự hướng dẫn của siêu âm.

**2. CHỈ ĐỊNH**

Các trường hợp nang lớn trong thận có triệu chứng đau, gây ảnh hưởng đến chất lượng sống của người bệnh, các nang gan, nang thận nhiễm trùng, áp xe hoá cần được chọc hút, dẫn lưu.

**3. CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

* Tuyệt đối : các rối loạn đông máu nặng (prothrombin < 70%), tiểu cầu < 50G/l. Bệnh nhân dị ứng thuốc tê.
* Tương đối: cổ trướng nhiều, người bệnh trong tình trạng suy các tạng nặng.

**4. THẬN TRỌNG**

**5. CHUẨN BỊ**

* 1. **. Người thực hiện**
* Bác sỹ chuyên khoa
* Bác sỹ phụ
* Điều dưỡng.

**5.2. Thuốc**

* Thuốc gây tê tại chỗ.
* Dung dịch sát khuẩn da, niêm mạc.

**5.3. Vật tư**

* Bơm tiêm 5- 20ml
* Kim chọc hút chuyên dụng. (cái)
* Nước cất hoặc nước muối sinh lý (ml)
* Găng tay(đôi).
* Áo, mũ, khẩu trang phẫu thuật(cái)
* Bộ dụng cụ can thiệp vô trùng: dao, kéo, kẹp, 4 bát kim loại, khay quả đậu, khay đựng dụng cụ.
* Bông, gạc (gói).
* Băng dính phẫu thuật.
* Hộp thuốc và dụng cụ cấp cứu tai biến thuốc gây tê.

**5.4. Trang thiết bị****:**

* Máy siêu âm với các đầu dò chuyên dụng
* Giấy in, máy in ảnh, hệ thống lưu trữ hình ảnh

**5.5. Người bệnh**

* Người bệnh được giải thích kỹ về thủ thuật để phối hợp với thầy thuốc.
* Người bệnh quá kích thích, không nằm yên: cần cho thuốc an thần.

**5.6. Hồ sơ bệnh án**

* Hồ sơ bệnh án điều trị nội trú
* Có phiếu chỉ định thực hiện thủ thuật đã được thông qua
* Cam đoan của bệnh nhân hoặc người nhà.
* Phim ảnh chụp X quang, CLVT, CHT (nếu có).

**5.7. Thời gian thực hiện kĩ thuật**: Từ 20 phút đến 60 phút.

**5.8. Địa điểm thực hiện kỹ thuật**:

Tại phòng siêu âm can thiệp khoa CDHA, hoặc phòng mổ.

**5.9. Kiểm tra hồ sơ:**

a. Kiểm tra người bệnh: Đánh giá tính chính xác của người bệnh: Đúng người bệnh, đúng chẩn đoán, đúng vị trí cần thực hiện kĩ thuật.

b. Thực hiện bảng kiểm an thoàn phẫu thuật, thủ thuật.

c. Tư thế người bệnh: người bệnh nằm ngửa hoặc nằm nghiêng tùy vị trí tổn thương, đặt đường truyền tĩnh mạch, lắp máy theo dõi nhịp thở, mạch, huyết áp, điện tâm đồ, SpO2.

**6. Tiến Hành QTKT**.

* 1. **Bước 1**
* Đặt đầu dò tìm vị trí chọc kim thuận lợi nhất: nang dịch nằm giữa kênh tần (đường dẫn), đường đi không xuyên qua mạch máu hoặc ống tiêu hoá, đường đi ngắn nhất.
* Y tá (điều dưỡng) sát khuẩn vị trí chọc kim.
* Bác sĩ tiến hành gây tê tại chỗ.

**6.2. Bước 2**

- Đối với chọc hút: Đưa kim chọc hút vào nang thận theo hướng dẫn của siêu âm, đúng theo đường đi đã chọn trước, hút lấy dịch làm xét nghiệm, sau đó tiến hành hút tối đa có thể dịch trong các nang.

* Bơm chất gây xơ vào trong nang: lượng bơm vào tối đa bằng với lượng dịch hút ra, giữ chất gây xơ 15 -30' trong nang.
  1. **Bước 3**
* Dặn người bệnh nằm tại giường trong 6 giờ, theo dõi mạch, huyết áp, vị trí chọc trong 24 giờ.
* Có thể thực hiện nhắc lại thủ thuật sau 12 - 24h.
* Kiểm tra đánh giá lại tình trạng bằng siêu âm: nang còn hay mất, kiểm soát các biến chứng chảy máu hay vỡ nang, xơ dính.
  1. **Kết thúc quy trình.**
* Đánh giátình trạng người bệnh sau khi thực hiện kỹ thuật .
* Hoànthiện ghi chép hồ sơ bệnh án, lưu hồ sơ.
* Bàn giao người bệnh cho khoa phòng tiếp theo.

1. **THEO DÕI VÀ XỬ TRÍ TAI BIẾN.**

**7.1. Tai biến trong khi thực hiện kĩ thuật**

- Theo dõi các chỉ số sinh tồn.

* Chảy máu : Điều trị nội khoa và theo dõi. Nếu chảy máu không cầm thì hội chẩn chuyên khoa xét can thiệp nút mạch cầm máu hoặc chuyển ngoại khoa để phẫu thuật
* Vỡ nang, chảy dịch, thuốc gây xơ vào ổ bụng: lượng ít thì người bệnh bất động tại chỗ và theo dõi, lượng nhiều cần tiến hành phẫu thuật để rửa và hút tránh gây xơ và viêm phúc mạc.

**7.2. Tai biến sau khi thực hiện kĩ thuật**

- Theo dõi các chỉ số sinh tồn.

* Chảy máu : Điều trị nội khoa và theo dõi. Nếu chảy máu không cầm thì hội chẩn chuyên khoa xét can thiệp nút mạch cầm máu hoặc chuyển ngoại khoa để phẫu thuật
* Sưng đau tại vị trí can thiệp: Điều trị giảm đau, khám xét dùng kháng sinh nếu có triệu chứng nhiễm khuẩn kèm theo.
  1. **. Biến chứng muộn:**
* Cần theo dõi biến chứng muộn như nhiễm trùng: Xử trí kháng sinh, chống viêm.
* Biến chứng đau muộn: Giảm đau.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO*:***

1. *Hướng dẫn quy trình chẩn đoán hình ảnh và điện quang của Bộ Y tế số 25/ QĐ – BYT ngày 03 tháng 01 năm 2013.*
2. *Quyết định số 3023/ QĐ- BYT ngày 28 tháng 7 năm 2023 cuae Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Đề cương tài liệu chuyên môn Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh”.*

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC**

**CHUẨN BỊ THỰC HIỆN KỸ THUẬT CHỌC HÚT DỊCH NANG THẬN CÓ TIÊM CỒN TUYỆT ĐỐI DƯỚI HƯỚNG DẪN SIÊU ÂM**

*(Ghi chú: danh mục và số lượng có thể thay đổi trên thực tế thưc hiện kỹ thuật tuỳ từng trường hợp cụ thể hoặc diễn biến trong thủ thuật)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục chuẩn bị** | **Đơn vị** | **Số lượng** |
| 1 | **Lao động trực tiếp** | Người | 3 |
| 1.1 | Bác sĩ chính | Người | 1 |
| 1.2 | Bs phụ | Người | 1 |
| 1.3 | Điều dưỡng | Người | 1 |
| **2** | **Thuốc** |  |  |
| 2.1 | Lidocain 2% (thuốc tiêm) | ống | 2 |
| 2.2 | Adrenalin 1/100.000(thuốc tiêm) | ống | 1 |
| 2.3 | SMOFlipid 20%(truyền tĩnh mạch) | lọ | 1 |
| 2.4 | Cồn tuyệt đối | ml | 200 |
| **3** | **Vật tư** |  |  |
| 3.1 | Vật tư cấy ghép |  |  |
| 3.2 | Dụng Cụ |  |  |
| 3.2.1 | Panh không mấu hoặc có mấu | cái | 1 |
| 3.2.2 | Khay quả đậu | cái | 1 |
| 3.3 | Vật liệu |  |  |
| 3.4 | Thuốc thử |  |  |
| 3.5 | Chất hiệu chuẩn |  |  |
| 3.6 | Sinh phẩm chẩn đoán |  |  |
| 3.7 | Vật tư khác |  |  |
| 3.7.1 | Bơm tiêm(5-20ml) | cái | 5 |
| 3.7.2 | Găng tay vô khuẩn | đôi | 3 |
| 3.7.3 | Mũ giấy phẫu thuật | cái | 3 |
| 3.7.4 | Khẩu trang | cái | 3 |
| 3.7.5 | Povidine | ml | 5 |
| 3.7.6 | Cồn 70 độ | ml | 10 |
| 3.7.7 | Nước cất | ml | 50 |
| 3.7.8 | Dung dịch rửa tay | ml | 30 |
| 3.7.9 | Kim lấy thuốc | cái | 2 |
| 3.7.10 | Kim luồn | cái | 2 |
| 3.7.11 | Bông viên | gói | 1 |
| 3.7.12 | Gạc vô khuẩn | gói | 1 |
| 3.7.13 | Băng dính lụa | cái | 1 |
| 3.7.14 | Găng tay kiểm tra | đôi | 1 |
| 3.7.15 | Túi camera vô khuẩn (bọc đầu dò) | cái | 1 |
| 3.7.16 | Săng có lỗ | cái | 2 |
| 3.7.17 | Giấy ảnh sony | cái | 2 |
| 3.7.18 | Gel siêu âm | ml | 10 |
| **4** | **Trang Thiết bị**  (sử dụng trực tiếp) |  |  |
| 4.1 | Máy siêu âm | Cái | 1 |